

**CÔNG TY CỔ PHẦN S-MARK VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN S-MARK VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: S-MARK VINA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: S-MARK ,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301098338

**3. Ngày thành lập:** 29/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Mao Độc, Xã Phụng Mao, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02223903486

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                        | 2592(Chính) |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                          | 2610        |
| 3.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                              | 3311        |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                          | 3312        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                              | 3314        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                              | 3319        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                             | 3320        |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                             | 4102        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                            | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                 | 4222        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                   | 4229        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390        |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 23. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                        | 4661        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                 | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669        |
| 27. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4752        |
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                 | 7110        |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                             | 8110        |
| 31. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                   | 8129        |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ QUYỀN      | Thôn Đức Tái, Xã Chi Lăng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 50,000    | 125339485                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRỊNH THỊ THẢO NGUYỄN | Thôn La Miệt, Xã Yên Giả, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 25,000    | 125660750                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                 |                           |         |               |        |           |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN HỮU TÂM | Thôn La Miệt, Xã Yên Giả, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 25,000 | 125427034 |
|   |                |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                 | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 25,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125427034

Ngày cấp: 01/03/2016 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn La Miệt, Xã Yên Giả, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn La Miệt, Xã Yên Giả, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh